TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 877/2024/DS-PT
Ngày 27 tháng 9 năm 2024
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: bà Phạm Thị Duyên

ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 9 và 27 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 538/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2669/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ thường trú: Số A đường F Khu dân cư T, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ khác: Số H hẻm B đường M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: E Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: A N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Ông Hầu Vĩnh K, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: B T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Hầu Vĩnh N, sinh năm 1958 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Lê Thị Ngọc D và ông Hầu Lê Vĩnh K1 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số G đường N, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Hầu Thị Bích V, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: B T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Bà Hầu Thị Bích L, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: B T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà L, bà D, ông K1: Ông Hầu Vĩnh K (có mặt).

Địa chỉ: B T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Kim D1 – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hầu Vĩnh H, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: 2113, Meredith L, TX 75042 USA.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ thường trú: Số A đường F Khu dân cư T, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hầu Vĩnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số B đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ được ông Hầu Vĩnh H1 và bà Hầu Thị Bích L mua của ông Lưu Hữu L1 và bà Trịnh Thị C vào năm 1988. Ông H1 và bà L cùng đứng tên bên mua trên Tờ hợp đồng mua bán nhà được Ủy ban nhân dân phường A chứng thực ngày 24/3/1988 và Ủy ban nhân dân thành phố C (cũ) thuận cho mua bán ngày 23/3/1988. Ngay sau khi mua nhà tháng 3/1988 thì ông Hầu Vĩnh H1 đã dọn đến ở trong căn nhà trên sinh sống, mở phòng khám từ năm 1991 và lập gia đình. Ông H1 là người cùng đứng tên sở hữu, trực tiếp quản lý sử dụng tài sản, tôn tạo, gìn giữ và phát triển tài sản. Trong thời gian từ khi mua nhà cho đến nay các bị đơn không đóng góp gì cho căn nhà trên.

Năm 1994, ông H1 và bà Nguyễn Thị M kết hôn sau đó về sống tại căn nhà số B T cho đến nay. Cha mẹ của ông H1 là cụ Hầu Á S (chết năm 1999) và cụ Hồng Dương T1 (chết năm 2005) có năm người con gồm: Ông Hầu Vĩnh K, ông

Hầu Vĩnh N, bà Hầu Thị Bích V, bà Hầu Thị Bích L và ông Hầu Vĩnh H1. Khi ông H1 bị tai nạn qua đời năm 2007 thì không để lại di chúc nên nguyên đơn và con trai là ông Hầu Vĩnh H là những người thừa kế của ông H1.

Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 179/2019/DS-PT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số B T là di sản của cụ Hầu Á S và cụ Hồng Dương T1 và xác định quyền thừa kế thuộc về năm người con của cụ S, cụ T1. Hiện nay các ông Hầu Vĩnh K, ông Hầu Vĩnh N, bà Hầu Thị Bích V và bà Hầu Thị Bích L làm thủ tục khai nhận và phân chia di sản là căn nhà B T và tự ý loại bỏ quyền hưởng di sản thừa kế của ông Hầu Vĩnh H1, cụ thể là loại bỏ quyền hưởng di sản của nguyên đơn và ông Hầu Vĩnh H là trái với bản án đã tuyên, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M và ông H.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với căn nhà B đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, trong đó ông Hầu Vĩnh H1 được hưởng ½ căn nhà và quyền sử dụng đất. Bà Nguyễn Thị M và ông Hầu Vĩnh H là những người thừa kế của ông H1 được hưởng mỗi người ¼ giá trị căn nhà và quyền sử dụng đất nêu trên.

Theo đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu cầu khởi kiện ngày 26/7/2022, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định công sức đóng góp của ông Hầu Vĩnh H1 trong việc quản lý, gìn giữ làm tăng giá trị tài sản đối với căn nhà số B đường T là 6.666.000.000đồng; Chia thừa kế và xác định kỷ phần thừa kế của ông H1 bằng 1/5 giá trị di sản, mỗi kỷ phần được hưởng tương ứng 2.000.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà ông Hầu Vĩnh H1 được hưởng tạm tính là 8.600.000.000đồng (tương đương 43,3% giá trị tài sản), trong đó xác định bà M và ông H là người thừa kế của ông H1 được nhận ½ giá trị tài sản mà ông H1 được hưởng; Nguyên đơn yêu cầu được nhận toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất tại số B đường T và nguyên đơn sẽ hoàn trả cho các bị đơn giá trị kỷ phần thừa kế mà Tòa án tuyên cho họ được hưởng.

Ông Hầu Vĩnh K và đại diện theo ủy quyền của các bị đơn trình bày:

Căn nhà và quyền sử dụng đất tại số B đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ là di sản do cụ Hầu Á S và cụ Hồng Dương T1 là cha mẹ của nguyên đơn và bị đơn chết để lại.

Vào ngày 07/7/2005 ông Hầu Vĩnh K, ông Hầu Vĩnh N, bà Hầu Thị Bích V, bà Hầu Thị Bích L và ông Hầu Vĩnh H1 đã đến Ủy ban nhân dân phường A để ký tên trên *"Tờ nhường hưởng di sản thừa kế theo pháp luật"* là căn nhà số B T và được Chủ tịch phường ký xác nhận. Sau đó, ông Hầu Vĩnh N đến Phòng C1 để làm chứng thư khai nhận thừa kế theo quy định. Căn cứ "*Tờ nhường hưởng di sản thừa kế theo pháp luật"* nêu trên thì ông Hầu Vĩnh H1 đã từ chối, không nhận di sản thừa kế nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hầu Vĩnh H không được thụ hưởng phần thừa kế của ông Hầu Vĩnh H1.

Bản án dân sự phúc thẩm số 179/2019/DS-PT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật nên các ông bà Hầu Vĩnh K, Hầu Vĩnh N, Hầu Thị Bích V và Hầu Thị Bích L có quyền đăng ký quyền sở hữu nhà và đất tại số B đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hầu Vĩnh H có văn bản ủy thác trình bày:

Nguồn gốc căn nhà và đất tại số B đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ là do ông Hầu Vĩnh H1 và bà Hầu Thị Bích L cùng đứng tên mua vào năm 1988. Sau khi ông H1 và bà M kết hôn sinh ra ông Hầu Vĩnh H thì gia đình ông vẫn luôn sinh sống tại căn nhà trên cho đến khi ông H1 mất và thời gian sau ông H ra nước ngoài học tập. Trong lúc sinh thời, cha và ông bà nội của ông H luôn nói căn nhà số B đường T là tài sản của gia đình, không có chuyện cha ông H lập Tờ nhường quyền hưởng di sản đối với căn nhà trên. Thời điểm ông H sinh sống tại căn nhà số B đường T thì bà Hầu Thị Bích L đã không còn cư trú tại đó từ lâu, mọi việc sửa sang và tôn tạo căn nhà đều do cha mẹ ông là ông H1, bà M bỏ chi phí và công sức đóng góp. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M và xin được giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5, Điều 26, Điều 37, Điều 91, Điều 92, Điều 93 Điều 97, Điều 98, Điều 101, Điều 147, Điều 149, Điều 159, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Điều 612, Điều 620 Bộ luật dân sự 2015; Điều 642 Bộ luật Dân sự 2005. Điều 645 Bộ luật Dân sự 1995.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án*;*

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu chia tài sản thừa kế với các bị đơn ông Hầu Vĩnh K, ông Hầu Vĩnh N (có người thừa kế tố tụng bà Lê Thị Ngọc D, ông Hầu Lê Vĩnh K1), bà Hầu Thị Bích V và bà Hầu Thị Bích L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chí phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/4/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Ngày 04/4/2024, bà Nguyễn Thị M là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hầu Vĩnh H kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hầu Vĩnh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn tranh luận: Giấy nhường quyền hưởng di sản ông H1 làm ngày 04/7/2005 là nhượng quyền đối với căn nhà số I đường N.

Bị đơn tranh luận: Căn nhà số I đường N là do cha mẹ tôi di chúc lại cho ông N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp, về thẩm quyền, về thời hiệu như nhận định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng quy định pháp luật, đủ điều kiện để thụ lý và đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M và ông Hầu Vĩnh H có cơ sở. Bởi lẽ :

[2.1] Tại thời điểm ông H1 làm tờ nhượng quyền hưởng di sản theo pháp luật căn nhà số B đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ vẫn đang đứng tên ông Hầu Vĩnh H1 và bà Hầu Thị Bích L theo Hợp đồng mua bán ngày 21/3/1988 giữa ông H1, bà L với bà Trịnh Thị C, ông Lưu Hữu L1. Cho đến thời điểm cụ S, cụ T1 chết cũng không ai tranh chấp việc mua bán căn nhà số B đường T nên tại thời điểm ông H1 lập "Tờ nhường quyền…" chưa có văn bản nào có hiệu lực pháp luật xác định đây là di sản thừa kế của cụ S, cụ T1 để lại. Nên, nhà đất số B đường T không được xem là di sản thừa kế vào thời điểm ông H1 lập "Tờ nhường quyền…".

Đến năm 2013, các đồng thừa kế của cụ S, cụ T1 mới khởi kiện yêu cầu xác định di sản thừa kế đối với căn nhà số B đường T. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 179/2019/DS-PT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật đã xác định quyền thừa kế và quyền được hưởng tài sản chung đối với căn nhà số B đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ thuộc về 05 người con của ông S và bà T1 là Hầu Vĩnh K, Hầu Vĩnh N, Hầu Vĩnh H1 (chết), Hầu Thị Bích V và Hầu Thị Bích L. Xét thấy, ông K, bà V, bà L đều là những người làm "Tờ nhường quyền…" cùng nội dung với ông H1. Các ông bà khởi kiện và đã được bản án phúc thẩm nêu trên công nhận quyền hưởng di sản, các ông bà cũng thực hiện thủ tục khai nhận thừa kế. Do đó, không

thể tước quyền hưởng di sản của ông H1 đối với căn nhà số B đường T. Bản án phúc thẩm nêu trên đang có hiệu lực pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà M và ông H đối với phần di sản của ông H1 được hưởng đối với căn nhà số B đường T. Việc Toà án cấp sơ thẩm thống nhất quyết định của bản án số 179/2019/DS-PT, tuy nhiên Toà án căn cứ vào giấy nhượng quyền của ông H1 lập vào ngày 04/7/2005 để cho rằng ông H1 đã nhượng lại toàn bộ di sản của cha mẹ cho ông N là không đúng vì không thể thoả thuận cho một sự việc trong tương lai. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, ông Hầu Vĩnh H, sửa bản án sơ thẩm.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện tính công sức đóng góp, tôn tạo, duy trì và đứng tên giùm tài sản cho ông H1 của nguyên đơn: Xét thấy, tại phiên toà bà M thừa nhận sau khi bà L và ông H1 cùng đứng tên nhà đất nêu trên thì bà L, ông H1 đã sinh sống, trực tiếp quản lý sử dụng, tôn tạo tài sản. Ông H1 đã sinh sống ở đây từ năm 1988 đến năm 2007 là gần 20 năm cho đến khi chết do tai nạn giao thông, riêng bà L đã ra riêng từ năm 1997, tuy nhiên bà M thừa nhận bà L cũng có công sức trong việc quản lý, tôn tạo căn nhà trên và đồng ý chia đôi phần công sức quản lý, gìn giữ, tôn tạo này với bà L. Xét lời trình bày của bà M là có căn cứ chấp nhận, do đó, cần tính công sức quản lý, gìn giữ, tôn tạo cho bà L và ông H1 bằng một kỷ phần thừa kế theo Án lệ số 05/2016. Vậy, phần công sức của ông H1 và bà L là 1 kỷ phần thừa kế, tương ứng 1/6 giá trị tài sản x 28.298.795.000 đồng = 4.716.465.833 đồng. Ông H1, bà L mỗi người được 1/2 x 4.716.465.833 đồng = 2.358.232.916 đồng.

Như vậy, ông Hầu Vĩnh H1 được hưởng một kỷ phần thừa kế, tương ứng 1/6 giá trị tài sản và 1/2 kỷ phần về công sức quản lý, gìn giữ, tôn tạo tài sản, cụ thể là: 4.716.465.833 đồng + (4.716.465.833 đồng : 2) = 7.074.698.750 đồng (tương ứng ¼ giá trị tài sản). Bà Nguyễn Thị M và ông Hầu Vĩnh H mỗi người được hưởng thừa kế là 1/2 giá trị phần di sản của ông H1 là: 7.074.698.750 đồng: 2 = 3.537.349.375 đồng (tương ứng 12,5% giá trị tài sản).

[3] Xét kháng cáo của bà M yêu cầu được ưu tiên nhận nhà. Xét, như nhận định trên ông H1 là 1 trong các đồng thừa kế, ông H1 chỉ nhận được 25% căn nhà, ông H1 hiện nay đã mất, các đồng thừa kế còn lại ông K, bà V, bà L đều nhường quyền hưởng di sản thừa kế cho ông N, do đó, ông N (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Thị Ngọc D và ông Hầu Lê Vĩnh K1) được hưởng 75% căn nhà, các đồng thừa kế cũng mong muốn giao căn nhà trên cho ông N quản lý thờ cúng cha mẹ. Xét, đề nghị này của các đồng thừa kế là phù hợp đạo đức, phong tục tập quán. Ngoài ra, bà M hiện không sinh sống tại Cần Thơ mà đang cư ngụ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà M. Giao căn nhà trên cho ông N, ông N (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Thị Ngọc D và ông Hầu Lê Vĩnh K1) có trách nhiệm giao trả lại cho bà M và ông H kỷ phần thừa kế của ông H1 được hưởng và công sức tôn tạo, gìn giữ của ông H1 đối với căn nhà trên.

Như vậy, các ông, bà Hầu Vĩnh K, Hầu Vĩnh N (ông N đã chết, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Thị Ngọc D và ông Hầu Lê Vĩnh K1),

Hầu Thị Bích V, Hầu Thị Bích L được hưởng di sản thừa kế tổng cộng là: (4.716.465.833 đồng x 4) + (4.716.465.833 đồng : 2) = 21.224.096.250 đồng (tương ứng 75% giá trị tài sản). Ông K, bà V, bà L nhường quyền hưởng di sản cho ông N nên ông N (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Thị Ngọc D và ông Hầu Lê Vĩnh K1) được hưởng 4 kỷ phần nêu trên + ½ công sức quản lý, gìn giữ, tôn tạo tài sản của bà L với tổng số tiền là 21.224.096.250 đồng tương ứng 75% giá trị tài sản.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị M và ông Hầu Vĩnh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hầu Vĩnh N (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Thị Ngọc D và ông Hầu Lê Vĩnh K1) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bà Nguyễn Thị M và ông Hầu Vĩnh H được chấp nhận yêu cầu cụ thể là: 112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng = 112.000.000 đồng + [0,1% x (7.074.698.750 đồng - 4.000.000.000 đồng)] = 115.074.699 đồng.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo là bà Nguyễn Thị M và ông Hầu Vĩnh H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hầu Vĩnh H.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M và ông Hầu Vĩnh H về việc chia thừa kế đối với nhà đất số B đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M và ông Hầu Vĩnh H yêu cầu xem xét công sức quản lý, gìn giữ, tôn tạo đối với nhà đất số B đường T. Cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị M và ông Hầu Vĩnh H mỗi người được hưởng giá trị di sản thừa kế là: 3.537.349.375 đồng (tương ứng 12,5% giá trị tài sản).

Ông Hầu Vĩnh N (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Thị Ngọc D và ông Hầu Lê Vĩnh K1) có trách nhiệm giao trả cho bà Nguyễn Thị M

và ông Hầu Vĩnh H mỗi người giá trị di sản thừa kế là: 3.537.349.375 đồng (tương ứng 12,5% giá trị tài sản).

Ông Hầu Vĩnh N (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Thị Ngọc D và ông Hầu Lê Vĩnh K1) được hưởng giá trị di sản thừa kế là: 21.224.096.250 đồng (tương ứng 75% giá trị tài sản).

2. Giao ông Hầu Vĩnh N (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Thị Ngọc D và ông Hầu Lê Vĩnh K1) được quyền sở hữu nhà đất số B đường T sau khi đã thanh toán cho bà Nguyễn Thị M và ông Hầu Vĩnh H mỗi người là 3.537.349.375 đồng (tương ứng 12,5% giá trị tài sản).

Ông Hầu Vĩnh N (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Thị Ngọc D và ông Hầu Lê Vĩnh K1) được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất nêu trên sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị M và ông Hầu Vĩnh H mỗi người là 3.537.349.375 đồng (tương ứng 12,5% giá trị tài sản).

Trường hợp ông Hầu Vĩnh N (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Thị Ngọc D và ông Hầu Lê Vĩnh K1) không thi hành hoặc không có khả năng thi hành nghĩa vụ theo quy định tại Mục 1 phần Quyết định của bản án này thì bà Nguyễn Thị M và ông Hầu Vĩnh H được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi nhà đất số B đường T. Sau khi trừ đi các chi phí cho việc phát mãi thì số tiền còn lại bao nhiêu được chia theo tỷ lệ như đã nêu trên. Giá trị thực tế căn cứ vào giá tại thời điểm cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi. Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị M và ông Hầu Vĩnh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà M được nhận lại 64.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001243 ngày 11/10/2019 và 58.500.000 đồng theo biên lai thu số 0000142 ngày 25/12/2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Ông Hầu Vĩnh N (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Thị Ngọc D và ông Hầu Lê Vĩnh K1) phải chịu 115.074.699 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị M và ông Hầu Vĩnh H không phải chịu án phí dân sự phúc

thẩm, hoàn trả cho mỗi đương sự 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000320 và 0000319 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Hoàn trả cho ông Hầu Vĩnh H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000363 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, bà M đã nộp 4.362.000 đồng ngày 11/3/2021 và 3.000.000 đồng ngày 16/3/2023 và đã chi xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND thành phố Cần Thơ; (1)
- VKSND thành phố Cần Thơ; (1)
- Cục THADS thành phố Cần Thơ; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (4)
- NCQLNVLQ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA-Tâm).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên